

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực dược phẩm, lĩnh vực mỹ phẩm, lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm;

Căn cứ Quyết định số 3246/QĐ-BYT ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

mức phí theo Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 813/TTr-SYT ngày 04/3/2024 và Tờ trình số 354/TTr-SYT ngày 25/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng (Có phụ lục kèm theo).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này thực hiện theo Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ; Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số 1907/QĐ-BYT ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06/04/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; TTTT;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC^(D).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Trường Huy

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM, MỸ PHẨM; AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Tuyen

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (13 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (12 TTHC)								
LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM (07 TTHC)								
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (1.002399)	Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng	- 16 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở; - 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở.	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng (Tầng 01, Tòa nhà Bưu điện, đường Hoàng Đình Giông, phường	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	1. Thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc đối với cơ sở bán buôn (GDP) (đánh giá đáp ứng, đánh giá duy trì, đánh giá kiểm soát thay đổi tại cơ sở): 4.000.000đ 2. Thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP) (đánh giá đáp ứng, đánh	- Luật Dược số 105/2016/QH13; - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/5/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;	Nội dung sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; mức thu phí. Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống còn 16 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không phải

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng).		<p>giá duy trì, đánh giá kiểm soát thay đổi tại cơ sở): + Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư: 500.000đ + Đối với các cơ sở tại các địa bàn còn lại: 1.000.000đ 3. Thẩm định điều kiện của cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm cả vị</p>	- Thông tư số 41/2023/TT-BYT ngày 12/6/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm.	đi đánh giá cơ sở; - Từ 30 ngày xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						thuốc cổ truyền): + Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: 300.000đ + Đối với cơ sở tại các địa bàn còn lại: 750.000đ		
2	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (1.002952)	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Nộp trực tiếp ; - nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần	+ Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư:	- Luật Dược số 105/2016/QH13; - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/5/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược; - Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc. - Thông tư số 41/2023/TT-BYT ngày	Nội dung sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, mức thu phí. Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày làm việc

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						500.000đ + Đối với các cơ sở tại các địa bàn còn lại: 1.000.000đ	12/6/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm	
3	Đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (1.003001)	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Nộp trực tiếp ; - nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần	+ Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư: 500.000đ + Đối với các cơ sở tại các địa bàn còn lại: 1.000.000đ	- Luật Dược số 105/2016/QH13; - Nghị định 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/5/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược; - Thông tư 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc. - Thông tư 41/2023/TT-BYT ngày 12/6/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm	Sửa đổi: Mức phí, căn cứ pháp lý. Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày làm việc
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	Quyết định số 1305/QĐ-UBND	- 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Nộp trực tiếp ; - nộp qua dịch vụ	1. Thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối	- Luật dược số 105/2016/QH13; - Nghị định 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày	Sửa đổi: Mức phí, căn cứ pháp lý.

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu,	ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng	đối với trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở; - 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở.		buu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần	thuộc đối với cơ sở bán buôn (GDP) (đánh giá đáp ứng, đánh giá duy trì, đánh giá kiểm soát thay đổi tại cơ sở): 4.000.000đ 2. Thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP) (đánh giá đáp ứng, đánh giá duy trì, đánh giá kiểm soát thay đổi tại cơ sở): + Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và	08/5/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược; - Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. - Thông tư 41/2023/TT-BYT ngày 12/6/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm	

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) (1.004585)					<p>hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư: 500.000đ + Đối với các cơ sở tại các địa bàn còn lại: 1.000.000đ</p> <p>3. Thẩm định điều kiện của cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm cả vị thuốc cổ truyền): + Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: 300.000đ + Đối với cơ sở tại các địa bàn còn lại: 750.000đ</p>		
5	Cấp lần đầu và cấp Giấy	Quyết định số	- 20 ngày kể từ ngày	Trung tâm phục vụ	- Nộp trực tiếp ;	1. Thẩm định điều kiện và đánh giá	- Luật dược số 105/2016/QH13;	Sửa đổi: Mức phí,

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ	1305/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng	nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở; - 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở.	hành chính công	- nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần	đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc đối với cơ sở bán buôn (GDP) (đánh giá đáp ứng, đánh giá duy trì, đánh giá kiểm soát thay đổi tại cơ sở): 4.000.000đ 2. Thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP) (đánh giá đáp ứng, đánh giá duy trì, đánh giá kiểm soát thay đổi tại cơ sở): + Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của	- Nghị định 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/5/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược; - Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. - Thông tư 41/2023/TT-BYT ngày 12/6/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm	căn cứ pháp lý.

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	truyền) (1.004593)					<p>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư: 500.000đ</p> <p>+ Đối với các cơ sở tại các địa bàn còn lại: 1.000.000đ</p> <p>3. Thẩm định điều kiện của cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm cả vị thuốc cổ truyền):</p> <p>+ Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: 300.000đ</p> <p>+ Đối với cơ sở tại các địa bàn còn lại: 750.000đ</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ (1.004596)	Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Nộp trực tiếp ; - nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần	500.000đ	- Luật Dược số 105/2016/QH13; - Nghị định 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/5/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược; - Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. - Thông tư số 41/2023/TT-BYT ngày 12/6/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm	Sửa đổi: Mức phí, căn cứ pháp lý.
7	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét	Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 22	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Nộp trực tiếp ; - nộp qua dịch vụ bưu	500.000đ	- Luật Dược số 105/2016/QH13; - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày	Sửa đổi: Mức phí, căn cứ pháp lý.

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất) (1.004599)	tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng			chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần		08/5/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. - Thông tư số 41/2023/TT-BYT ngày 12/6/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm	
LĨNH VỰC MỸ PHẨM (01 TTHC)								
1	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chủ	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Nộp trực tiếp ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;	500.000đ	- Luật Dược số 105/2016/QH13; - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/5/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;	Nội dung sửa đổi, bổ sung: mức phí; căn cứ pháp lý

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.009566)	tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng			- Qua dịch vụ công trực tuyến một phần		- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư số 41/2023/TT-BYT ngày 12/6/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm.	
LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG (04 TTHC)								
1	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm	Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng	07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Phí: 1.500.000 đồng/lần/sản phẩm	- Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 quy định mức	Sửa đổi: mức phí, căn cứ pháp lý.

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (1.003348)						thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm	
2	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (1.003332)	Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng	07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	- Phí: 1.500.000 đồng/lần/sản phẩm	- Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm	Sửa đổi: mức phí, căn cứ pháp lý.
3	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực	Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 01/8/2018	07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung	Phí: 1.100.000 đồng/lần/sản phẩm	- Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của	- Sửa đổi: mức phí, căn cứ pháp lý. - Đã cắt giảm thời

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (1.003108)	của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng			tâm hành chính công tỉnh Cao Bằng; -Qua dịch vụ bưu chính công ích		Luật An toàn thực phẩm. - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm	hạn giải quyết từ 10 ngày xuống còn 07 ngày
4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống (1.002425)	Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng	16 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Cao Bằng - Qua dịch vụ bưu chính công ích	- Phí: + Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng /lần/cơ sở + Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; -Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm	- Sửa đổi: mức phí, căn cứ pháp lý. - Đã cắt giảm thời gian hạn quyết từ 20 ngày xuống còn 16 ngày làm việc

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						500.000 đồng /lần/cơ sở. + Đối với cơ sở sản xuất khác được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở		
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 TTHC)								
LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG (01 TTHC)								
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống (1.002425)	Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thành phố	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; - Qua dịch vụ công trực tuyến	- Phí: + Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng /lần/cơ sở + Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; -Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 quy định mức	- Sửa đổi: mức phí, căn cứ pháp lý. - Đã cắt giảm thời gian hạn quyết từ 20 ngày xuống còn 16 ngày làm việc

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại QĐ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					trình; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng /lần/cơ sở. + Đối với cơ sở sản xuất khác được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở	thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; - Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	

Tổng số danh mục TTHC	13 TTHC
Trong đó:	
- Sửa đổi, bổ sung	13 TTHC
Qua dịch vụ công trực tuyến một phần	08 TTHC
Qua dịch vụ bưu chính công ích	08 TTHC
Đã cắt giảm thời hạn giải quyết	06 TTHC

Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM, MỸ PHẨM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG (Kèm theo Quyết định số 289 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Tuyen

A. QUY TRÌNH CẤP TỈNH (12 Quy trình)

LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM (07 Quy trình)

Quy trình số: 1

Quy trình giải quyết TTHC: “Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế”

Đối với trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	01 ngày
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	02 ngày
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	10 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt; trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	01 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Sở Y tế	01 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Y tế tại TTPVHCC	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	01 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			16 ngày

Đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	01 ngày
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	02 ngày
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	18 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt; trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	01 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Sở Y tế	01 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Y tế tại TTPVHCC	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	01 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			24 ngày

Nhóm Quy trình giải quyết thủ tục:

1. Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (1.002952)
2. Đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (1.003001)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	01 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	01 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	19 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt; trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	01 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Sở Y tế	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Y tế tại TTPVHCC	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	01 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			24 ngày làm việc

Nhóm quy trình giải quyết thủ tục:

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)” (1.004585)

2. Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)” (1.004593)

Đối với trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	01 ngày
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	02 ngày
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	14 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt; trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	01 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Sở Y tế	01 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Y tế tại TTPVHCC	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	01 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			20 ngày

Đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	01 ngày
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	02 ngày
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	24 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt; trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	01 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Sở Y tế	01 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Y tế tại TTPVHCC	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	01 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			30 ngày

Nhóm quy trình giải quyết thủ tục hành chính:

1. Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ
2. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)” (1.004599)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	01 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	01 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	02 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt; trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	03 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Sở Y tế	03 giờ làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Y tế tại TTPVHCC	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	02 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			05 ngày làm việc

LĨNH VỰC MỸ PHẨM (01 Quy trình)**Quy trình số: 1**

Quy trình giải quyết TTHC: “Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu (1.009566)”

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	04 giờ làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	03 giờ làm việc.
Bước 3	Thụ lý giải quyết; Trình lãnh đạo Phòng duyệt	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	01 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt; trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ	03 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Sở Y tế	04 giờ làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Y tế tại TTPVHCC	Bộ phận Văn thư Sở Y tế	02 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			03 ngày làm việc

LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG**Nhóm quy trình giải quyết các thủ tục số: 01**

1. Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

2. Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

3. Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công	01 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ - Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	01 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ; Trình lãnh đạo phòng duyệt,	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ - Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	02 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét duyệt; trình Lãnh đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ - Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	01 ngày làm việc
Bước 5	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công	Bộ phận Văn thư Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	01 ngày làm việc

Bước 7	Xác nhận trên phần mềm một cửa thông tin về trả kết quả đã có tại Trung tâm phục vụ hành chính công; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả công	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC:			07 ngày làm việc

Quy trình số: 02

Quy trình giải quyết TTHC: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công	01 ngày làm việc
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ - Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	02 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (Kiểm tra, thẩm định hồ sơ)	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ - Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	10 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ xem xét duyệt; trình Lãnh đạo	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ - Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	01 ngày làm việc

Bước 5	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công	Bộ phận Văn thư Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	01 ngày làm việc
Bước 7	Xác nhận trên phần mềm một cửa thông tin về trả kết quả đã có tại Trung tâm phục vụ hành chính công; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC:			16 ngày làm việc

B. QUY TRÌNH CẤP HUYỆN (01 Quy trình)

LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG (01 Quy trình)

Quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	01 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo UBND các huyện xem xét, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Y tế thành phố/ Văn phòng HĐND-UBND các huyện	02 ngày làm việc

Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (Kiểm tra, thẩm định hồ sơ)	Chuyên viên Phòng Y tế thành phố/ Văn phòng HĐND-UBND các huyện	10 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn các huyện xem xét duyệt; trình Lãnh đạo UBND các huyện	Lãnh đạo Phòng Y tế thành phố/ Văn phòng HĐND-UBND các huyện	01 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo UBND các huyện ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND các huyện	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện	Bộ phận Văn thư	01 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thành phố	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC:			16 ngày làm việc